



Merkblatt für Familienangehörige von Fachkräften bei gemeinsamer Antragstellung
Hướng dẫn thủ tục xin cấp thị thực cho thân nhân của người có trình độ chuyên môn trong trường hợp
cùng nộp hồ sơ

Vollständiger Name des Antragstellers: _____ (Họ và tên)
Staatsangehörigkeit: _____ (Quốc tịch)

Die nachfolgenden Unterlagen **IM ORIGINAL** sind bei einer Visumantragstellung bei den deutschen Auslandsvertretungen in Vietnam vollständig im Rahmen einer persönlichen Vorsprache des Antragstellers vorzulegen.

Người xin thị thực phải trực tiếp có mặt và nộp đầy đủ các giấy tờ nêu dưới đây (**nộp BẢN GỐC**) tại Cơ quan đại diện CHLB Đức tại Việt Nam.

Es wird darum gebeten, die Dokumente in der unten aufgeführten Reihenfolge zu sortieren.

Xin vui lòng sắp xếp giấy tờ theo thứ tự trong danh sách này.

Jede Unterlage muss jeweils im Original + eine einfache (unbeglaubigte) Kopie eingereicht werden. Bitte fertigen Sie von allen Dokumenten, die nicht bereits in deutscher Sprache vorhanden sind (außer englischsprachige Unterlagen), eine Übersetzung ins Deutsche an.

Đối với mỗi giấy tờ, Quý vị phải cung cấp bản gốc + 1 bản sao không cần công chứng. Quý vị vui lòng nộp kèm bản dịch ra tiếng Đức tất cả những giấy tờ không bằng tiếng Đức (trừ những giấy tờ bằng tiếng Anh).

Bitte kreuzen Sie für alle Unterlagen, die Sie vorlegen, die Kästchen in der rechten Spalte an, und unterschreiben Sie am Ende das Merkblatt auf der letzten Seite.

Đề nghị Quý vị đánh dấu giấy tờ có nộp vào các ô ở cột bên phải và kí tên xác nhận ở trang cuối cùng của bản hướng dẫn

Dem Visumantrag müssen nachfolgende Unterlagen beigelegt werden: <i>Hồ sơ xin cấp thị thực phải có những giấy tờ sau:</i>	Vom Antragsteller eingereicht <i>Người xin thị thực có nộp</i>	Nur durch VFS/AV auszufüllen <i>Chỉ điền bởi nhân viên VFS/Cơ quan đại diện Đức</i>	Anmerkungen <i>Ghi chú</i>
1. Vollständig ausgefülltes und vom Antragsteller unterschriebenes Antragsformular für nationale Visa (Online-Antragsformular „VIDEX“) <i>Tờ khai xin cấp thị thực quốc gia (thị thực dài hạn), được khai đầy đủ và có chữ ký của người nộp đơn (tờ khai trực tuyến „VIDEX“).</i>			
2. Zwei aktuelle biometrische Passfotos (45mm x 35mm) (Fotomustertafel) Bitte kleben Sie nur ein Passfoto auf das Antragsformular auf und legen Sie das zweite lose bei. <i>Hai ảnh hộ chiếu sinh trắc học, cỡ 45 mm x 35mm (Hướng dẫn về ảnh chụp xin cấp thị thực). Đề nghị Quý vị dán 1 ảnh vào tờ khai xin cấp thị thực và nộp 1 ảnh để rời.</i>			
3. Gültiger Reisepass (oder anerkanntes Passersatzdokument) <i>Hộ chiếu có giá trị (hoặc giấy tờ thay thế hộ chiếu được công nhận).</i>			
4. Legalisierte Urkunden zum Nachweis des Verwandtschaftsverhältnisses (Hinweise zur Legalisation vietnamesischer Urkunden) <i>Giấy tờ chứng minh quan hệ thân nhân đã được hợp pháp hóa lãnh sự (Xem hướng dẫn về hợp pháp hóa lãnh sự giấy tờ Việt Nam)</i>			



<p>a) Ehegatten oder eingetragene Lebenspartner Heiratsurkunde oder Urkunde über die Eintragung der Lebenspartnerschaft</p> <p>Bei Vorehen zusätzlich legalisiertes Scheidungsurteil</p> <p>Đối với vợ, chồng hoặc bạn đời có đăng ký: Chứng nhận kết hôn hoặc Chứng nhận đăng ký chung sống</p> <p><i>Nếu có cuộc hôn nhân trước: nộp thêm bản án ly hôn đã được hợp pháp hóa lãnh sự</i></p>			
<p>b) Kinder Geburtsurkunde</p> <p>Đối với con: Nộp giấy khai sinh</p>			
<p>5. ggf. Zusätzliche Nachweise für minderjährige Kinder, die mit nur einem Elternteil reisen Hinweis: Das vietnamesische Recht kennt grundsätzlich nur die gemeinsame elterliche Sorge. Dies gilt auch im Fall der Scheidung – denn als Scheidungsfolge wird nicht über das Sorgerecht verhandelt, sondern nur über die Lebens- und Betreuungssituation des Kindes. Hieran ändern in der Regel auch nachträgliche „Sorgerechtsübertragungen“ nichts.</p> <p>Nếu phù hợp: cung cấp thêm bằng chứng cho trẻ em vị thành niên chỉ đi cùng một bên cha, mẹ Về nguyên tắc, pháp luật Việt Nam chỉ ghi nhận quyền nuôi dưỡng chung của cha mẹ. Điều này cũng được áp dụng trong trường hợp ly hôn, vì quyền nuôi dưỡng sau khi ly hôn không được xem xét giải quyết mà chỉ có các thỏa thuận về việc trông nom và nuôi dưỡng con. Thông thường, việc “chuyển giao quyền nuôi dưỡng” sau đó cũng không thay đổi được điều này.</p>			
<p>a) Bei alleiniger Sorge Als Nachweis muss die legalisierte Sterbeurkunde, legalisierte Verschollenheitserklärung des anderen Elternteils oder ein legalisierter gerichtlicher Sorgerechtsbeschluss vorgelegt werden. (Hinweise zur Legalisation vietnamesischer Urkunden)</p> <p>Ausnahme: Bei nicht-ehelichen Kindern, in deren Geburtsurkunde kein Vater eingetragen wurde, ist kein weiterer Nachweis über die alleinige Sorgeberechtigung der Mutter erforderlich.</p> <p>Trường hợp chỉ cha hoặc mẹ có quyền nuôi dưỡng Trong trường hợp cha/mẹ tại Đức là người duy nhất có quyền nuôi dưỡng thì cần nộp giấy chứng tử, văn bản tuyên bố về việc người cha/mẹ kia mất tích hoặc quyết định của tòa án về quyền nuôi dưỡng đã được hợp pháp hóa lãnh sự (Xem hướng dẫn về hợp pháp hóa lãnh sự giấy tờ Việt Nam).</p> <p>Ngoại lệ: Đối với trẻ em là con ngoài giá thú mà trong giấy khai sinh không có thông tin của người cha thì người mẹ không cần nộp thêm giấy tờ để chứng minh là người duy nhất có quyền nuôi dưỡng.</p>			
<p>b) Bei gemeinsamer Sorge Wenn die Eltern getrennt leben und das Kind nur zu einem Elternteil nachzieht, muss der andere, ebenfalls sorgeberechtigte, Elternteil sein Einverständnis erklären.</p> <p>Die Einverständniserklärung muss mit Beglaubigung der Unterschrift abgegeben werden. Die Beglaubigung ist möglich</p>			



<ul style="list-style-type: none">• in Vietnam: bei den deutschen Auslandsvertretungen abgegeben (mehr Informationen zur Beglaubigung: Link Kopie- und Unterschriftsbeglaubigungen - Auswärtiges Amt (diplo.de))• in Deutschland: bei einer deutschen Behörde, einem Notar oder einer Notarin oder bei der vietnamesischen Botschaft in Berlin• in einem anderen Land: bei der zuständigen deutschen Auslandsvertretung vor Ort; Unterschriftsbeglaubigungen von vietnamesischen Auslandsvertretungen außerhalb Deutschlands werden nicht anerkannt. <p>Bitte nutzen Sie dieses Muster.</p> <p>Trường hợp cha và mẹ có chung quyền nuôi dưỡng</p> <p><i>Trong trường hợp cha mẹ sống ly thân và người con chỉ sang đoàn tụ với một người thì người cha/mẹ cũng có quyền nuôi dưỡng còn lại phải có tuyên bố đồng ý.</i></p> <p><i>Bản tuyên bố đồng ý phải được chứng thực chữ ký. Thủ tục chứng thực có thể được thực hiện</i></p> <ul style="list-style-type: none">• <i>tại Việt Nam: tại Đại sứ quán Đức tại Hà Nội hoặc Tổng Lãnh sự quán Đức tại Thành phố Hồ Chí Minh (xem thêm tại đây: Thủ tục công chứng bản sao, chứng thực chữ ký)</i>• <i>tại Đức: tại cơ quan có thẩm quyền của Đức, văn phòng công chứng hoặc Đại sứ quán Việt Nam ở Berlin</i>• <i>tại một nước khác: tại Đại sứ quán/Lãnh sự quán Đức có thẩm quyền ở nước sở tại; chứng thực chữ ký của các cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam bên ngoài nước Đức sẽ không được công nhận.</i> <p><i>Đề nghị quý vị sử dụng mẫu giấy tuyên bố đồng ý sau đây: Mẫu giấy tuyên bố</i></p>			
<p>6. Nachweis über ausreichenden Krankenversicherungsschutz für die Einreise gültig ab dem gewünschten Einreisetag und für eine Dauer von mindestens drei Monaten</p> <p>Chứng nhận có đủ bảo hiểm y tế để nhập cảnh, cho thời gian tối thiểu 3 tháng kể từ ngày nhập cảnh mong muốn.</p>			

Durch meine Unterschrift bestätige ich, dass ich folgende Informationen verstanden habe:

Für die Dauer der Bearbeitung meines Visumantrags verbleibt der Reisepass bei der Visastelle der deutschen Auslandsvertretung. Unvollständig abgegebene Antragsunterlagen können eine längere Bearbeitungsdauer notwendig machen oder zu einer Ablehnung des Visumantrags führen.

Verweigerte, bewusst falsche oder unvollständige Angaben im Visumverfahren können ein Ausweisungsinteresse begründen.

Die deutschen Auslandsvertretungen in Vietnam behalten sich das Recht vor, weitere, über die o.g. Liste hinausgehende Unterlagen oder Informationen bei Bedarf nachzufordern.

Với việc ký tên dưới đây, tôi xác nhận đã hiểu rõ các thông tin sau:

Hộ chiếu của tôi sẽ được lưu tại Phòng Thị thực của Cơ quan đại diện CHLB Đức trong thời gian xử lý hồ sơ xin cấp thị thực.

Việc nộp hồ sơ không đầy đủ giấy tờ có thể làm cho thời gian xử lý bị kéo dài hoặc hồ sơ bị từ chối.

Việc từ chối cung cấp thông tin, cố ý cung cấp thông tin sai lệch hoặc không đầy đủ trong quá trình xin cấp thị thực có thể là lý do để trục xuất.

Ngoài những giấy tờ nêu trên, Cơ quan đại diện CHLB Đức có quyền yêu cầu bổ sung thêm các giấy tờ hoặc thông tin khác nếu cần thiết.

Ort und Datum/Địa điểm và ngày

Unterschrift des Antragstellers/Chữ ký của người nộp đơn



Vertretungen der
Bundesrepublik Deutschland
in Vietnam
